



**ĐỀ CƯƠNG**

**MÔN ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG**



**Câu 1: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa?**

**\*. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:**

*\* Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam như: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung cơ bản như sau:*

+ **Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là:** “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

+ **Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng là:**

- **Về chính trị:** Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

- **Về kinh tế:** Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ tài sản lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 tiếng.

- **Về văn hoá - xã hội:** Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

+ **Lực lượng cách mạng:** Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến; phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân việt... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến ...) thì phải đánh đổ.

+ **Lãnh đạo cách mạng:** giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

+ **Quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới:** Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực

hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

\* **Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng** là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp, thấm đượm tinh thần dân tộc. Tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh này.

Thực tiễn quá trình vận động của cách mạng Việt Nam trong gần 80 năm qua đã chứng minh rõ tính cách mạng và tính khoa học, tính đúng đắn và tiên bộ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

### \*. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

- Sự ra đời của Đảng với hệ thống tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh cách mạng đúng đắn đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng giai cấp, đường lối lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm đầu thế kỷ 20. Đó là bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ giai cấp vô sản ở nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

- Đảng ra đời đã làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang, mở đầu là Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

### \*. Hoàn cảnh ra đời:

#### 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

##### *a. Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó*

- Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa). Các nước tư bản đế quốc, bên trong thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài thì xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa.

- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

##### *b. Ảnh hưởng của nghĩa Mác - Lênin*

- **Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ**, muốn giành được thắng lợi trong đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lập ra đảng cộng sản. Sự ra đời của đảng cộng sản là yêu cầu khách quan đáp ứng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức, bóc lột. Chủ nghĩa Mác - Lênin “đã lay chuyển, lôi cuốn quần chúng nhân dân và cả những phần tử ưu tú, tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản”(Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, HN, 2002, T2, tr 137)

- **Từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam**, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### ***c. Tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản***

+ **Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga giành được thắng lợi**. Chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận trở thành hiện thực, mở đầu một thời đại mới “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc” (Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd , T8, tr 562). Cuộc cách mạng này cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân các nước và là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời nhiều đảng cộng sản ở các nước trên thế giới: ĐCS Đức, Hunggari (1918); ĐCS Mỹ (1919); ĐCS Anh, Pháp ( 1920); ĐCS Trung Quốc, Mông Cổ (1921); ĐCS Nhật Bản (1922).

+ **Đối với các dân tộc thuộc địa**, Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Cách mạng Tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mơ hàng thế kỷ nay.

+ **Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập (3/ 1919)** đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được công bố năm 1920 đã chỉ ra phương hướng đấu tranh và giải phóng các dân tộc thuộc địa.

+ **Đối với Việt Nam**, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam “An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế” (Lê Duẩn, Tuyển tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2008, T2, tr 551).

## **2. Hoàn cảnh trong nước**

### ***a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp***

**\* Chính sách cai trị của thực dân Pháp.**

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Sau khi bình định xong bằng vũ lực, chúng từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam.

**+ Về chính trị:**

- Thực Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ mọi quyền lực của nhà Nguyễn.

- Chia Việt Nam ra thành ba xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng.

- Cấu kết với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân Việt Nam.

**+ Về kinh tế:**

- Thực dân Pháp tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng để khai thác tài nguyên.

- Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo nên sự chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc vào tư bản Pháp, bị kìm hãm trong vòng lạc hậu.

**+ Về văn hoá:**

- Thực hiện chính sách văn hoá, giáo dục thực dân.

- Dung túng, duy trì các thủ tục lạc hậu.

**\* Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam.**

+ **Dưới tác động của chính sách cai trị** và chính sách kinh tế, văn hoá giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hoá giai cấp sâu sắc. Ngoài hai giai cấp cũ là nông dân và địa chủ, hình thành thêm giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản.

- **Giai cấp địa chủ:** cấu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Tuy nhiên trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hoá, một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau.

Trước năm 1945 ở Thái Nguyên 10 chủ đồn điền người Pháp và ngoại kiều chiếm 24.290 ha ( 68.366 mẫu) chiếm 56,1% ruộng đất cả tỉnh; 24 địa chủ người Việt chiếm 2.935 ha bằng 6,7% ruộng đất của tỉnh. Địa chủ Nguyễn Thị Năm chiếm 2.800 mẫu. ( Tạp chí Lịch sử Đảng, số 12/1999, tr 60).

- **Giai cấp nông dân:** là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam, bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ vừa có yêu cầu độc lập tự do, vừa có yêu cầu về ruộng đất.

- **Giai cấp công nhân:** ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ.

Đa số công nhân Việt Nam trực tiếp xuất thân từ giai cấp nông dân, có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột. Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân Việt Nam là: “ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, và vừa lớn lên nó đã sớm tiếp thu ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị tự giác, thống nhất khắp Bắc Trung Nam ...”

- **Giai cấp tư sản:** bao gồm tư sản công nghiệp, tư sản thương nghiệp...

Giai cấp tư sản Việt Nam thế lực kinh tế và địa vị chính trị nhỏ bé và yếu ớt. Vì vậy, giai cấp tư sản Việt Nam không đủ điều kiện để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

- **Tầng lớp tiểu tư sản:** bao gồm học sinh, trí thức, viên chức và những người làm nghề tự do. Đời sống của tiểu tư sản Việt Nam bấp bênh và dễ bị phá sản trở thành những người vô sản. Tiểu tư sản Việt Nam có lòng yêu nước, căm thù đế quốc, thực dân, lại chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào. Vì vậy, đây là lực lượng có tinh thần cách mạng cao. “Họ tỏ ra thức thời và rất nhạy cảm với thời cuộc”.

**Tóm lại,** chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam lúc này đều mang thân phận người dân mất nước, ở mức độ khác nhau, đều bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột.

+ **Tính chất xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.**

+ **Hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam:**

- **Một là,** mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và bọn tay sai. Mâu thuẫn này nổi lên thành mâu thuẫn chủ yếu.

- **Hai là,** mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra yêu cầu là phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

***b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX***

**\* Những phong trào mang ý thức hệ phong kiến tiêu biểu diễn ra trong thời kỳ này là:**

+ ***Phong trào Cần Vương (1862- 1896)***. Ngày 13-7-1862 vua Hàm Nghi xuống Chiếu Cần Vương. Phong trào Cần Vương phát triển mạnh mẽ ở Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ. Ngày 01-1-1888, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục phát triển đến năm 1896.

+ ***Cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang 1884- 1913)***. Nghĩa quân Yên Thế đã đánh thắng Pháp nhiều trận và gây cho chúng nhiều khó khăn, thiệt hại. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế kéo dài đến năm 1913 thì bị dập tắt.

Sự thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng phong kiến không đủ khả năng giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

**\* Phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản.**

+ ***Đại diện của xu hướng bạo động là Phan Bội Châu***, với chủ trương dùng biện pháp bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập cho dân tộc. Ông đi từ lập trường quân chủ lập hiến đến lập trường dân chủ tư sản, nhưng cuối cùng bị thất bại. Nguyễn Ái Quốc đánh giá “Phan Bội Châu là tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia”(Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, T3, tr 35)

+ ***Đại biểu cho xu thế cải cách là Phan Châu Trinh*** với chủ trương vận động, cải cách văn hoá, xã hội; động viên lòng yêu nước trong nhân dân, đã kích bọn vua quan phong kiến thối nát, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, mở mang dân quyền.

Hoạt động cách mạng của Phan Châu Trinh đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, về phương pháp, “Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... điều đó là sai lầm, chẳng khác gì tới xin giặc rủ lòng thương”(3. *Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.13-14)

+ ***Thời kỳ này ở Việt Nam còn có các phong trào:*** Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), Phong trào “tẩy chay khách trú” (1919), phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở Sài Gòn (1923)

+ ***Từ phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng phái ra đời:*** Đảng Lập hiến (năm 1923), Đảng Thanh niên (tháng 3-1926), Đảng Thanh niên cao vọng (năm 1926), Việt Nam nghĩa đoàn (ra đời năm 1925, sau nhiều lần đổi

tên, tháng 7 năm 1928 lấy tên là Tân Việt cách mạng Đảng, tháng 12 năm 1927 lấy tên là Việt Nam quốc dân Đảng). Các đảng phái chính trị tư sản và tiểu tư sản trên đây đã góp phần thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp, đặc biệt là Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam quốc dân Đảng.

- ***Tân Việt cách mạng Đảng*** ra đời và hoạt động trong bối cảnh Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển mạnh. Một số đảng viên của Tân Việt chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại trong Tân Việt tích cực để tiến tới thành lập một chính Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

- ***Việt Nam quốc dân Đảng*** là một đảng chính trị theo hướng dân chủ tư sản. Mục tiêu hoạt động là: trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng; đánh đuổi thực dân Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân Đảng bắt đầu từ đêm ngày 9-2-1930 ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình...trong tình thế hoàn toàn bị động nên đã bị thực dân Pháp dập tắt.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo lập trường quốc gia tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã phản ánh địa vị kinh tế và chính trị yếu kém của giai cấp này trong tiến trình cách mạng dân tộc, phản ánh sự bất lực của họ trước những nhiệm vụ do lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra.

### **\* Ý nghĩa:**

Mặc dù bị thất bại, nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm cách mạng Hồ Chí Minh. Phong trào yêu nước trở thành một trong ba nhân tố (nguồn gốc) dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### ***c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản***

**\* Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**

+ ***Năm 1911, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc) ra đi tìm đường cứu nước.***

- ***Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới.*** Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của cách mạng tư sản Mỹ (1776), cách mạng tư sản Pháp (1789). Song Người cũng nhận ra rằng con đường cách mạng tư sản không thể đưa độc lập lại và hạnh phúc thực sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.



- **Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.**

- **Tháng 7 - 1920**, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Người tìm thấy trong Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

- **Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 - 1920)**, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “con đường cách mạng vô sản”.

- **Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào Cộng sản quốc tế**, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam và chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam** thông qua những bài đăng trên các báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và xuất bản một số tác phẩm, đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925).

- **Tháng 11-1924**, Nguyễn Ái Quốc đã đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6-1925, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

- **Từ năm 1925 đến năm 1927**, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam. Năm 1928 Hội thực hiện chủ trương “vô sản hoá”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận giải phóng dân tộc.

- **Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn những thanh niên Việt Nam ưu tú** gửi đi học tại các trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Cùng với việc đào tạo cán bộ, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức ra các tờ báo *Thanh niên*, *Công nông*, *Lính cách mệnh*, *Tiền phong* nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

+ **Năm 1927, Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh** (tập hợp tất cả các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên).

**Nội dung tác phẩm Đường cách mệnh chỉ rõ:**

- **Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là** cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai cuộc cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng là việc chung của cả dân chúng. Nhưng cái cốt của nó là công – nông.

- **Vấn đề lãnh đạo cách mạng:** Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một Đảng lãnh đạo.

- **Về vấn đề đoàn kết quốc tế:** “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t2, tr 301).

- **Về phương pháp cách mạng:** tiến hành khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân...

Tác phẩm Đường cách mệnh đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đường cách mệnh có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

**Tóm lại,** trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã chọn hướng đi đúng, chọn cách đi đúng, đi những nơi cần đi, đến những nơi cần đến. Cùng với việc tham gia các tổ chức chính trị, hoạt động văn hoá xã hội, Hồ Chí Minh đã chuyển từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thực hiện chủ nghĩa Mác - Lênin một cách độc lập, tự chủ, sáng tạo.

**Có thể nói rằng,** Nguyễn Ái Quốc đã làm một cuộc khảo sát có một không hai ở thập kỉ thứ hai của thế kỉ XX về chủ nghĩa thực dân, về các nước tư bản và thuộc địa, đã tích lũy được sự hiểu biết không ai có thể sánh được về vấn đề này.

**\* Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản**

+ **Trong những năm 1919 - 1925,** phong trào công nhân diễn ra dưới các hình thức đình công, bãi công, tiêu biểu như các cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) do Tôn Đức Thắng tổ chức (1925) và cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (30 - 04 - 1925).

+ **Trong những năm 1926 - 1929,** phong trào công nhân đã có sự lãnh đạo của các tổ chức: Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Công hội đỏ và các tổ chức Cộng sản ra đời từ năm 1929. Có nhiều cuộc bãi công của công nhân diễn ra.

- Từ năm 1928 đến năm 1929, có khoảng 40 cuộc đấu tranh của công nhân diễn ra trong toàn quốc.

- Các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1926-1929 mang tính chất chính trị rõ rệt. Mỗi cuộc đấu tranh đã có sự liên kết giữa các nhà máy, các ngành và các địa phương. Phong trào công nhân có sức lôi cuốn phong trào dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

**\* Sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.**

+ **Trước sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước**, cuối tháng 3-1929, ở Hà Nội một số hội viên tiên tiến của tổ chức Thanh niên ở Bắc Kỳ đã lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam, do Trần Văn Cung làm Bí thư Chi bộ.

+ **Tại đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (5-1929)** đã xảy ra bất đồng giữa các đoàn đại biểu về vấn đề thành lập Đảng cộng sản. Trong bối cảnh đó các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời.

- **Đông Dương Cộng sản Đảng**: ngày 17-7-1929, tại Hà Nội, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc họp và đã quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

- **An Nam Cộng sản đảng**: Mùa thu năm 1929, các đồng chí trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên hoạt động ở Trung Quốc và Nam Kỳ đã thành lập An Nam Cộng sản đảng.

- **Đông Dương cộng sản Liên đoàn**: Những đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

+ **Mặc dù đều gương cao ngọn cờ chống đế quốc, phong kiến**, xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, nhưng ba tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ đã ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng ở Việt Nam lúc này. Vì vậy, việc khắc phục sự chia rẽ, phân tán giữa các tổ chức cộng sản là yêu cầu khẩn thiết của cách mạng nước ta, là nhiệm vụ cấp bách của tất cả những người cộng sản Việt Nam.

## **Câu 2: Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**\* Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**

+ **Năm 1911, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc) ra đi tìm đường cứu nước.**

- **Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới.** Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của cách mạng tư sản Mỹ (1776), cách mạng tư sản Pháp (1789). Song Người

cũng nhận ra rằng con đường cách mạng tư sản không thể đưa độc lập lại và hạnh phúc thực sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

- **Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.**

- **Tháng 7 - 1920**, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Người tìm thấy trong Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

- **Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 - 1920)**, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “con đường cách mạng vô sản”.

- **Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào Cộng sản quốc tế**, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam và chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam** thông qua những bài đăng trên các báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và xuất bản một số tác phẩm, đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925).

- **Tháng 11-1924**, Nguyễn Ái Quốc đã đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6-1925, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

- **Từ năm 1925 đến năm 1927**, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam. Năm 1928 Hội thực hiện chủ trương “vô sản hoá”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận giải phóng dân tộc.

- **Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn những thanh niên Việt Nam ưu tú** gửi đi học tại các trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Cùng với việc đào tạo cán bộ, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức ra các tờ báo *Thanh niên*, *Công nông*, *Lính cách mệnh*, *Tiền phong* nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

+ **Năm 1927, Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh** (tập hợp tất cả các bài giảng của

Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên).

***Nội dung tác phẩm Đường cách mệnh chỉ rõ:***

- ***Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam*** là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai cuộc cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng là việc chung của cả dân chúng. Nhưng cái cốt của nó là công – nông.

- ***Vấn đề lãnh đạo cách mạng:*** Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một Đảng lãnh đạo.

- ***Về vấn đề đoàn kết quốc tế:*** “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t2, tr 301).

- ***Về phương pháp cách mạng:*** tiến hành khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân...

Tác phẩm Đường cách mệnh đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đường cách mệnh có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

***Tóm lại,*** trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã chọn hướng đi đúng, chọn cách đi đúng, đi những nơi cần đi, đến những nơi cần đến. Cùng với việc tham gia các tổ chức chính trị, hoạt động văn hoá xã hội, Hồ Chí Minh đã chuyển từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thực hiện chủ nghĩa Mác - Lênin một cách độc lập, tự chủ, sáng tạo.

***Có thể nói rằng,*** Nguyễn Ái Quốc đã làm một cuộc khảo sát có một không hai ở thập kỉ thứ hai của thế kỉ XX về chủ nghĩa thực dân, về các nước tư bản và thuộc địa, đã tích lũy được sự hiểu biết không ai có thể sánh được về vấn đề này.

**Câu 3: Luân cương chính trị tháng 10 năm 1930. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa?**

**\*.Hoàn cảnh lịch sử:**

- Sau khi Đảng CSVN ra đời thì đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh và ngày càng lôi kéo dc nhiều quần chúng tham gia, trước tình hình đó vào tháng 4/ 1930 Trần Phú về nc và tháng 7/ 1930 dc bổ sung vào BCH trung ương lâm thời và dc giao nhiệm vụ phải cùng với ban thường vụ để chuẩn bị những điều kiện cho đh lần thứ nhất của Đảng.

+ Ngày 30-10-1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp lần **thứ nhất** tại Hương cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì. Hội nghị đã thông qua Luận cương chính trị của Đảng, và quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng Bí thư.

**\*. Nội dung của Luận cương xác định:**

- **Mâu thuẫn giai cấp** diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.

- **Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương là:** lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, có tính chất thổ địa và phản đế, “tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”; sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

- **Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là:** đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau. Luận cương xác định: “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền” và là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

- **Về lực lượng cách mạng:** giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dân cày là động lực mạnh của cách mạng. Luận cương xác định: chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới đi theo cách mạng mà thôi.

- **Về phương pháp cách mạng:** phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”; võ trang bạo động, là một nghệ thuật “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

- **Về quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới:** cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và mật thiết liên lạc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

- **Về vai trò lãnh đạo của Đảng:** sự lãnh đạo của Đảng là vai trò cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng. Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng.

+ **Luận cương chính trị khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng** mà Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt đã nêu ra. Bên cạnh mặt thống nhất cơ bản giữa Luận cương chính trị với Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt có mặt khác nhau:

- Luận cương không nêu ra được mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

- Đánh giá không đúng vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc và chưa thấy được khả năng phân hoá lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

**\*. Ý Nghĩa của luận cương:**

- Luận cương đã chỉ ra dc những vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược và sách lược của cm Việt Nam.

- Luận cương đã có sự kế thừa và phát triển các cương lĩnh đầu tiên .

**\*. Nguyên nhân chủ yếu của những mặt khác nhau đó là:**

**Một là**, Luận cương chính trị chưa nắm vững những đặc điểm của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam.

**Hai là**, nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng ở thuộc địa và lại chịu ảnh hưởng trực tiếp khuynh hướng “tả” của Quốc tế Cộng sản.

**Câu 4: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh(1936 – 1939) của Đảng : hoàn cảnh lịch sử, nội dung chủ trương?**

**a. Hoàn cảnh lịch sử**

**\* Tình hình thế giới**

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt.

+ Chủ nghĩa phátxít đã xuất hiện và thắng thế ở một số nơi. Tập đoàn phátxít cầm quyền ở Đức, Ý và Nhật đã liên kết với nhau thành khối “trục”, ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới và thực hiện mưu đồ tiêu diệt Liên Xô. Nguy cơ chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh quốc tế.

+ Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VII của quốc tế cộng sản họp tại Matxcova (tháng 7-1935) dưới sự chủ trì của G. Đimitorốp. Đại hội xác định:

- Kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới là chủ nghĩa phátxít.

- Nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hoà bình.

- Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

### **\* Tình hình trong nước**

+ Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

+ Các giai cấp và tầng lớp tuy có quyền lợi khác nhau, nhưng đều căm thù thực dân, có nguyện vọng chung trước mắt là đấu tranh đòi quyền được sống, quyền tự do, dân chủ, cơm áo hoà bình. Hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng của quần chúng đã được khôi phục.

### **\* . Nội dung Chủ trương và nhận thức mới của Đảng**

+ **Trong những năm 1936-1939**, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp hội nghị lần thứ hai (7/1936), lần thứ ba (3/1937), lần thứ tư (9/1937) và lần thứ năm (3/1938)... đề ra những chủ trương mới:

- **Về tính chất và xu hướng phát triển của cách mạng ở Đông Dương** vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức xôviết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb CTQG, HN, 2000, t6, tr 139). Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.

- **Về kẻ thù của cách mạng:** Kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

- **Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng:** Chống phátxít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Trung ương quyết định thành lập Mặt trận nhân dân phản đế (sau đổi tên thành Mặt trận dân chủ Đông Dương).

- **Về đoàn kết quốc tế:** Phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng cộng sản Pháp “ủng hộ Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp” để cùng nhau chống bọn phátxít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

- **Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh:** Tổ chức và đấu tranh công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.



- **Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ:** Nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, thì có thể trước mắt tập trung đánh đổ đế quốc rồi sau mới giải quyết vấn đề điền địa. Nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước.

Đây là nhận thức mới của Đảng, nó phù hợp với tinh thần trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng và bước đầu khắc phục những hạn chế của *Luận cương chính trị* tháng 10-1930.

+ **Tháng 3-1939**, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

+ **Tháng 7-1939**, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*. Tác phẩm *Tự chỉ trích* chẳng những có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh để khắc phục những lệch lạc, sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, mà còn là một văn kiện lý luận quan trọng về xây dựng Đảng, về công tác vận động thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trong đấu tranh cách mạng Việt Nam.

**Tóm lại**, trong những năm 1936-1939, chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng; các mối quan hệ giữa liên minh công – nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi; giữa vấn đề dân tộc và giai cấp; giữa phong trào cách mạng Đông Dương và phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới; đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh cao hơn vì độc lập tự do.

### **Câu 5: Chủ chương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng (1939 - 1945): Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa:**

**\*. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng**

#### ***a. Tình hình thế giới và trong nước***

+ **Tháng 9/1939**, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Đế quốc Pháp lao vào cuộc chiến. Chính phủ Pháp đã thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa.

+ **Tháng 6-1940**, Đức tấn công Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Ngày 22-6-1941, quân phátxít Đức tấn công Liên Xô.

+ **Ở Đông Dương**, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội hữu ái, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó.

+ **Thực dân Pháp** thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” vơ vét sức người, sức của để phục vụ chiến tranh của đế quốc.

+ **Ngày 22-9-1940** phátxít Nhật đã tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ vào Hải Phòng. Pháp đầu hàng Nhật và cầu kết với Nhật thống trị nhân dân ta. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc, phátxít Pháp - Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

### ***b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược***

Từ khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Ban Chấp hàng Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ sáu (11/1039), Hội nghị lần thứ bảy (11/1940) và Hội nghị lần thứ tám (5/1941).

+ **Ban chấp hành Trung ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:**

- **Một là**, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên làm hàng đầu. Mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc, phátxít Pháp - Nhật.

- **Hai là**, quyết định thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

- **Ba là**, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

+ **Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi**, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng.

+ **Phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta là**: “Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù, lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương giành thắng lợi để mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”( Đảng cộng Việt Nam, Văn kiện Đảng, toàn tập, Sdd, T7, tr 131).

+ **Chú trọng công tác xây dựng Đảng**, gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

### ***c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược***

- Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

- Nội dung của sự chuyển hướng là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc.

Sau hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương (5/1941), Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp - Nhật.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng và lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, các cấp Đảng bộ và Mặt trận Việt Minh đã tích cực xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng, đẩy nhanh việc phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng.

Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, lập các chiến khu và căn cứ địa cách mạng. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi ở các khu căn cứ và khắp các địa phương trong cả nước, đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

### **Câu 6: Chỉ thị nhật pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945) hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa??**

***a. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần***

**\* Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước:**

+ ***Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.*** Hồng quân Liên Xô tiến như vũ bão về phía Béclin. Phát xít Nhật lâm vào tình trạng nguy khốn. Mâu thuẫn Nhật - Pháp ngày càng gay gắt. Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp đã nhanh chóng đầu hàng quân Nhật.

+ ***Ngay đêm 9/3/1945,*** Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “***Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta***”.

- ***Chỉ thị nhận định:*** Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng

điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

- **Chỉ thị xác định:** Sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông dương, vì vậy phải thay khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

- **Chỉ thị chủ trương:** Phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

- **Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh** lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

- **Chỉ thị dự kiến những điều kiện thuận lợi** để thực hiện tổng khởi nghĩa, đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận.

#### **\* Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận:**

+ **Từ giữa tháng 3-1945 trở đi**, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức. Hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang được giải phóng.

+ **Ngày 15/4/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ** tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị nhận định: tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Hội nghị quyết định:

- Thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành Việt Nam giải phóng quân.

- Xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

- Chủ trương phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang...

+ **Ngày 4-6-1945**, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

+ **Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng**, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “**Phá khó thúc, giải quyết nạn đói**”. Chủ trương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của nhân dân. Vì vậy, trong một thời gian ngắn, Đảng đã động viên được hàng triệu quần chúng tiên lên trận tuyến cách mạng.

#### **b. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa**

+ **Chiến tranh thế giới lần thứ II bước vào giai đoạn kết thúc.** Ở châu Á, phát xít Nhật đang đi gần đến chỗ thất bại hoàn toàn.

+ **Trước sự phát triển hết sức nhanh chóng của tình hình,** Trung ương quyết định họp **Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang)** từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945. Hội nghị quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai, trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

- Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: “Phản đối xâm lược”; “Hoàn toàn độc lập”; “Chính quyền nhân dân”. Những nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời, phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp.

- Hội nghị còn quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại trong tình hình mới, cử Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban chấp hành Trung ương.

- Ngay đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa.

- Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân họp. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và mười chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Ngay sau khi Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ra mà giải phóng cho ta”(Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd..T.3, tr.554).

+ **Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta đã nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.**

- Ngày 19/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 19/8 có ý nghĩa quyết định đối với cả nước.

- Ngày 23/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.

- Ngày 25/8/1945 khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.

Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945), cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân.

+ **Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tin lớn ở Quảng trường Ba đình, Hà Nội,** thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản **Tuyên ngôn độc lập,** tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thể thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

***c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám***

**+ Kết quả và ý nghĩa:**

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ gần nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

**+ Nguyên nhân thắng lợi:**

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930-1931, Cao trào 1936-1939, Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

**+ Bài học kinh nghiệm:**

- **Một là**, gương cao ngon cờ độc lập, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- **Hai là**, toàn dân đoàn kết trên nền tảng khối liên minh công – nông.

- **Ba là**, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- **Bốn là**, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- **Năm là**, nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- **Sáu là**, xây dựng một Đảng Mác – Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 7: Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng tám 1945?**

**+ Kết quả và ý nghĩa:**

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ gần nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

**+ Nguyên nhân thắng lợi:**

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930-1931, Cao trào 1936-1939, Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn

kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

+ **Bài học kinh nghiệm:**

- **Một là**, gương cao ngạo cờ độc lập, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- **Hai là**, toàn dân đoàn kết trên nền tảng khối liên minh công – nông.

- **Ba là**, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- **Bốn là**, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- **Năm là**, nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- **Sáu là**, xây dựng một Đảng Mác – Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 8: Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của BCH trung ương Đảng (25/11/1945) Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa??**

***a. Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám***

**\* Thuận lợi:**

+ **Trên thế giới**, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu đã được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có nhiều điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng.

+ **Ở trong nước**, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

**\* Khó khăn:**

+ **Hậu quả do chế độ cũ để lại** như nạn đói, nạn dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng. Nền độc lập của quốc gia ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận.



+ **Với danh nghĩa đồng minh đến tước khí giới của phát xít Nhật**, quân đội các nước đế quốc ồ ạt kéo vào chiếm đóng nước ta và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta.

“Giặc đói, giặc giết và giặc ngoại xâm” là những hiểm hoạ đối với chế độ mới. Vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Tổ quốc lâm nguy!

**\*.Nội dung cơ bản của Chỉ thị:**

- **Về chỉ đạo chiến lược**, Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của CMVN lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”(Đảng cộng sản Việt Nam , Văn kiện Đảng, t8, 26)

- **Về xác định kẻ thù**, Đảng chỉ rõ “kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải “lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược”

- **Về phương hướng, nhiệm vụ**, Đảng nêu lên bốn nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”(Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, t8, 27)

- **Về ngoại giao**, Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

**\* Ý nghĩa:**

+ Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược, chỉ ra những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước.

+ Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền cách mạng.

+ Những nội dung của chủ trương kháng chiến kiến quốc được Đảng tập trung chỉ đạo thực hiện trên thực tế với tinh thần kiên quyết, khẩn trương, linh hoạt, sáng tạo, trước hết là giai đoạn từ tháng 9/1945 đến cuối năm 1946.

**Câu 9: Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng của Đảng giai đoạn 1945 – 1946?**

**c. Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm**

**\* Kết quả:**

+ **Về chính trị - xã hội:** Đã xây dựng được một nền móng cho chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết.

+ **Về kinh tế, văn hoá:**

- Đã phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xoá bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia. Các lĩnh vực sản xuất được hồi phục. Cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổn định và có cải thiện.

- Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới đã bước đầu xoá bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu. Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi. Cuối năm 1946 cả nước đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

+ **Về bảo vệ chính quyền cách mạng:** Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào Nam tiến chi viện Nam Bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh ra Trung Bộ.

- Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện chính sách lược nhân nhượng đối với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền nam.

- Khi Pháp - Tưởng ký Hiệp ước Trùng Khánh (28-2-1946), thoả thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng lại mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước.

- Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, cuộc đàm phán ở Đà Lạt, ở Phôngtennơbờlô (Phongtennebleau, Pháp), Tạm ước 14-9-1946 đã tạo điều kiện cho quân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

**\* Ý nghĩa:**

- Đã bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng; xây dựng được những nền móng đầu tiên cơ bản cho một chế độ mới, chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Chuẩn bị được những điều kiện cần thiết, trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

**\* Nguyên nhân thắng lợi:**

+ Đảng đã đánh giá đúng tình hình nước ta sau Cách mạng Tháng Tám, kịp thời đề ra chủ trương kháng chiến, kiến quốc đúng đắn.

+ Xây dựng và phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ Lợi dụng được mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch...

**\* Bài học kinh nghiệm:**

+ Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

+ Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ thù cũng là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể.

+ Tận dụng khả năng hoà hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, đồng thời đề cao cảnh giác sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước khi kẻ thù bội ước.

**Câu 10: Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược và can thiệp mỹ của Đảng cộng sản Đông Dương (1946 -1954) nội dung, ý nghĩa đường lối??**

***a. Hoàn cảnh lịch sử***

+ **Tháng 11-1946**, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội. Pháp gửi tới hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, kiểm soát an ninh trật tự ở thủ đô.

+ **Trong thời điểm lịch sử đó**, Đảng ta đã quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội.

Vào lúc 22 giờ ngày 19/12/1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đồng loạt nổ súng.

+ **Những thuận lợi và khó khăn** của nhân dân ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

- **Thuận lợi:** Đây là cuộc kháng chiến chính nghĩa, có “ thiên thời, địa lợi, nhân hoà”, có sự chuẩn bị về mọi mặt, trong khi thực dân Pháp có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, quân sự ở trong nước và Đông Dương.

- **Khó khăn:** Tương quan lực lượng quân sự không có lợi cho ta. Nước ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào giúp đỡ và công nhận nền độc lập.

***b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến***

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp.

\* **Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công**, đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và được tập trung trong ba văn kiện lớn:

*Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng (12/12/1946).

*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19/12/1946)

*Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh năm 1947.

+ **Nội dung đường lối:**

- **Mục đích kháng chiến:** Kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập” (Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, Sđd, T8, tr 150)

- **Tính chất kháng chiến:** đây là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ, hoà bình. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện, lâu dài; tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- **Chính sách kháng chiến:** “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân, thực hiện tự cấp, tự túc về mọi mặt”.

- **Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:** “Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc...”.

- **Phương châm tiến hành kháng chiến:** Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Kháng chiến toàn dân: Thực hiện một người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

Kháng chiến toàn diện: Đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, trong đó quân sự là mặt trận hàng đầu.

Kháng chiến lâu dài (trường kỳ): Để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà” của ta, chuyển hoá tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

Dựa vào sức mình là chính: “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”

- ***Triển vọng kháng chiến:*** Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song nhất định thắng lợi.

c. **Ý nghĩa:**

- Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ.

- Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

**Câu 11: Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được phản ánh trong chính cương của Đảng lao động Việt Nam (tháng 2/1951)??**

\* **Đại hội Đảng lần thứ 2 năm 1951:** Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Đại hội đại biểu lần thứ hai tại tỉnh Tuyên Quang.

+ **Đại hội đã nhất trí tán thành Báo cáo Chính trị** của Ban Chấp hành Trung ương do chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày. Ra Nghị quyết tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành ba Đảng cách mạng để lãnh đạo cuộc kháng chiến của ba dân tộc đi tới thắng lợi. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

+ **Báo cáo “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội”** do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày. Báo cáo đã trình bày **nội dung cơ bản đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân:**

- **Tính chất xã hội:** Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.

- **Đối tượng cách mạng:** cách mạng Việt nam có hai đối tượng:

Đối tượng chính hiện nay là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến phản động.

- **Nhiệm vụ cách mạng:**

Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc.

Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng.

Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc.

- **Động lực của cách mạng:** gồm “công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phân tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức”(ĐCSVN.VKĐ, Sđ d, t12, 434)

- **Đặc điểm cách mạng:** “Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng dân chủ tư sản lỗi thời tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa”(ĐCSVN, Sđ d, t [12.tr](#) 434)

- **Triển vọng của cách mạng:** “Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội”(ĐCSVN, Sđd, T12, 434).

- **Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội:** Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn:

**Giai đoạn thứ nhất**, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc.

**Giai đoạn thứ hai**, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.

**Giai đoạn thứ ba**, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau”(Sđ d, T12 tr 435).

- **Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng:** “Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân”. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- **Chính sách của Đảng:** Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

- **Quan hệ quốc tế:** Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô; thực hiện đoàn kết Việt - Trung - Xô và đoàn kết Việt - Miên - Lào.

Đường lối, chính sách của Đại hội đã được bổ sung, phát triển qua các hội nghị Trung ương tiếp theo.

Đường lối hoàn toàn giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng được thực hiện trên thực tế trong giai đoạn 1951-1954

**Câu 12: Đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam dc thông qua tại đại hội III của Đảng lao động Việt Nam tháng 9/ 1960: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa???**

***a. Bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954***

***+ Thuận lợi:***

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh.
- Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.
- Phong trào hoà bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước.
- Thế và lực của cách mạng nước ta đã lớn mạnh hơn sau 9 năm kháng chiến.
- Có ý chí độc lập, thống nhất Tổ quốc của nhân dân từ Bắc chí Nam.

***+ Khó khăn:***

- Đế quốc Mỹ âm mưu làm bá chủ thế giới và các chiến lược toàn cầu phản cách mạng.
- Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai hệ thống TBCN và XHCN.
- Xuất hiện sự bất đồng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.
- Đất nước ta bị chia làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

***b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa của đường lối***

**\* Quá trình hình thành và nội dung đường lối:**

+ **Tháng 9/1954, Bộ chính trị ra Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng.** Tại hội nghị lần thứ bảy (3/1955) và lần thứ tám (8/1955) Trung ương Đảng nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc; đồng thời và giữ vững, đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

+ **Tháng 12/1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13,** đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng được xác định: củng cố miền Bắc, đưa miền Nam tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước.

+ **Tháng 1/1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15** họp bàn về cách mạng miền Nam đã xác định:

- **Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam** là “ giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”(ĐCSVN, Sđ d, T20, 81), .

- **Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam** là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường “lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”(ĐCSVN, Sđ d, tr 82).

Nghị quyết hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

+ **Đại hội lần thứ III của Đảng** họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960 đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể là:

- **Nhiệm vụ chung:** “tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”(ĐCSVN, VKĐ, t 21, 918)

- **Nhiệm vụ chiến lược:**

**Một là,** tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

**Hai là,** giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.



- **Mục tiêu chiến lược:** nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và miền Nam có mục tiêu chiến lược khác nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn chung là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình thống nhất Tổ quốc.

- **Mối quan hệ giữa cách mạng hai miền:** “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau”(Sđ d, tr 916).

- **Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước:**

CMXHCHN ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

CMDTDCND ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành CMDTDCND trong cả nước.

- **Con đường thống nhất đất nước:**

Trong khi tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, Đảng kiên trì con đường hoà bình thống nhất theo Hiệp nghị Giơnevơ, sẵn sàng thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử hoà bình thống nhất Việt Nam.

Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh xâm lược miền Bắc thì nhân dân cả nước kiên quyết đứng dậy đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

- **Triển vọng của cách mạng Việt Nam:** là một quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà, cả nước sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội.

\* **Ý nghĩa của đường lối:**

Đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng do Đại Hội lần thứ III của Đảng đề ra có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức to lớn.

- **Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng:** Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vừa phù hợp với miền Bắc, miền Nam, với cả nước và phù hợp với tình hình quốc tế. Nhờ vậy, đã huy động và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tuyến tuyến, của cả nước, của ba dòng thác cách mạng trên thế giới; tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc. Do đó đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- **Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo** của Đảng ta trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

- **Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở** để Đảng chỉ đạo quân dân ta chiến đấu giành được những thành tựu to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

**Câu 13: Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng (1965-1975): hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa đường lối.**

**a. Bối cảnh lịch sử**

Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân các nước đồng minh vào miền Nam, tiến hành cuộc “chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân hùng hổ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc.

**+ Thuận lợi:**

- Khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng thế giới đang ở thế tiến công.

- Ở **miền Bắc**, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu về kinh tế, văn hoá. Sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh.

- Ở **miền Nam**, cuộc đấu tranh của quân dân ta đã có bước phát triển mới. Ba công cụ của “chiến tranh đặc biệt” (ngụy quân, ngụy quyền, áp chiến lược và đô thị) đều bị quân dân ta tấn công liên tục.

**+ Khó khăn:**

- Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt.

- Đế quốc Mỹ mở cuộc “chiến tranh cục bộ” ào ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và các nước đồng minh đồng minh vào xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng không có lợi cho ta.

**b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa của đường lối**

**\* Quá trình hình thành và nội dung đường lối:**

+ Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, ***các Hội nghị của Bộ chính trị đầu năm 1961 và đầu năm 1962*** đã nêu chủ trương:

- Giữ vững và phát triển thế tiến công mà ta đã giành được sau cuộc “đồng khởi” năm 1960, đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn miền.

- Phát triển đấu tranh vũ trang lên một bước mới, ngang tầm với đấu tranh chính trị.

- Thực hành kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song, đẩy mạnh đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận.

- Phương châm đấu tranh phù hợp với đặc điểm từng vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng, thành thị.

+ ***Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 9 (11/1963)*** tiếp tục khẳng định đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đi đôi, cả hai đều có vai trò quyết định cơ bản.

+ ***Hội nghị trung ương lần thứ 11 (tháng 3- 1965) và lần thứ 12 (tháng 12- 1965)*** đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả nước.

- ***Chủ trương chiến lược:*** Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ cứu nước là một nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

- ***Quyết tâm và mục tiêu chiến lược:*** nêu cao khẩu hiệu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

- ***Phương châm chỉ đạo chiến lược:*** thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh và cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

- ***Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam:***

Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.

Đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược.

Trong giai đoạn này, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

**- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc:**

Chuyên hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh.

Động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng “chiến tranh cục bộ” ra cả nước.

- **Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến tranh ở hai miền:** miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam càng đánh càng mạnh. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau nhằm thực hiện khẩu hiệu chung: “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

**\* Ý nghĩa của đường lối:**

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

**Câu 14: Đường lối công nghiệp hóa hiện đại hóa của Đảng thời kỳ đổi mới: quá trình đổi mới tư duy của Đảng về công nghiệp hóa; mục tiêu, quan điểm của Đảng về CNH-HĐH**

a, Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về công nghiệp hóa

\* **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI** của Đảng (tháng 12/1986) đã xác định:

+ **Đường lối công nghiệp hoá** với nội dung bao trùm là *chuyển trọng tâm từ phát triển công nghiệp nặng sang thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.*

+ **Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát** của những năm còn lại của trong chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế-xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

+ **Nội dung, bước đi, phương thức** tiến hành công nghiệp hoá của Đại hội VI đã có sự điều chỉnh, đổi mới căn bản:

- Quá trình công nghiệp hoá phải được tiến hành từng bước. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ *chưa thể đẩy mạnh công nghiệp hoá* mà phải *tập trung vào ba chương trình kinh tế lớn* nhằm ổn định mọi mặt đời sống xã hội, tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá ở chặng đường tiếp theo.

- Công nghiệp hoá phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, coi trọng tính hiệu quả của các chương trình đầu tư.

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, xác định rõ cơ cấu kinh tế lúc này chưa phải là cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại, mà là cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu trong quá trình công nghiệp hoá.

Đại hội VI đánh dấu sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Đó là khởi điểm hết sức quan trọng cho quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá sau này.

\* **Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (7/1994)** xác định:

+ **Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000** theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới” đánh dấu bước đột phá mới trong nhận thức của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa

trên sự phát triển công nghiệp và tiên bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao”

+ **Quan niệm này cho thấy điểm mới là:** công nghiệp hoá phải gắn với hiện đại hoá. Cốt lõi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là phát triển lực lượng sản xuất; phạm vi công nghiệp hoá, hiện đại hoá được mở rộng, không phải chỉ là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà là sự chuyển đổi căn bản, toàn diện mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý kinh tế, xã hội...

+ **Đặt ra tầm nhìn mới** về khả năng đưa đất nước bước sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### ***b. Đường lối đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ 1996 đến nay***

#### **\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996):**

+ Đánh giá tình hình đất nước sau 10 năm đổi mới đã nhận định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

+ Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.*

+ **Đại hội VIII đã nêu ra sáu quan điểm chỉ đạo** phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá và những nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỉ 90. Các quan điểm và định hướng này cho đến nay vẫn đúng và có giá trị chỉ đạo thực tiễn.

#### **\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4-2001) chủ trương:**

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

+ Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

+ Coi “phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết”

+ Đại hội IX đã nhấn mạnh một số *điểm mới* trong đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó là:

- Con đường công nghiệp hoá ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước. Đó là con đường vừa tuần tự, vừa nhảy vọt, kết hợp “đi tắt”, “đón đầu” những công nghệ mới.

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

“Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường...”

- Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả các sản phẩm, các lĩnh vực có lợi thế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Tăng cường chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

\* **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X** (tháng 4-2006) tiếp tục khẳng định:

+ ***Đường lối “đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*** gắn với phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”

***Kinh tế tri thức***: Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong nền kinh tế tri thức, những ngành kinh tế có tác động to lớn tới sự phát triển là những ngành kinh tế mới dựa nhiều vào tri thức và công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới...).

+ ***Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức thể hiện bước tiến về nhận thức của Đảng***. Chủ trương này vừa xuất phát từ đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh của đất nước, vừa thích ứng với thời đại toàn cầu hoá và xu hướng phát triển kinh tế tri thức.

+ ***Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thực chất là thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn dựa trên tri thức***, đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại ở tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt ở những ngành mũi nhọn, có lợi thế phát triển, làm tăng tỉ lệ giá trị gia tăng ở từng sản phẩm; giảm chi phí nguyên, vật

liệu; tăng chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động xã hội theo hướng hiện đại.

## **2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

### ***a. Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

+ ***Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá*** là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ ***Đại hội X xác định mục tiêu tổng quát của 5 năm 2006-2010*** là sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại <sup>1</sup>.

### ***b. Quan điểm cơ bản về công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

Từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội X (2006) Đảng ta đã nêu ra nhiều quan điểm mới chỉ đạo quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. ***Sau đây là những quan điểm cơ bản nhất:***

- ***Một là***, công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá và công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- ***Hai là***, công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- ***Ba là***, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- ***Bốn là***, lấy khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- ***Năm là***, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

### **Câu 15: Đặc điểm của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp; nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.**

#### ***a. Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp***



\* **Cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trước đổi mới là cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp** (công hữu, kế hoạch hoá, phi thị trường) với những đặc điểm chủ yếu:

+ **Thứ nhất**, kế hoạch hoá tập trung toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết từ trên xuống dưới. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch, vốn cho doanh nghiệp; doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước (lỗ thì Nhà nước bù, lãi thì Nhà nước thu).

Hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước quyết định theo chỉ tiêu pháp lệnh được giao.

+ **Thứ hai**, các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp, nhưng lại không chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình (quyết định gây thiệt hại về vật chất thì ngân sách Nhà nước chịu); các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm đối với kết quả sản xuất, kinh doanh.

+ **Thứ ba**, không thừa nhận quan hệ thị trường, quan hệ hàng hoá - tiền tệ bị coi nhẹ, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế dưới hình thức cấp phát - giao nộp.

+ **Thứ tư**, bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian, đội ngũ quản lý kém năng lực, quan liêu, cửa quyền. Nhà nước nắm trực tiếp mọi khâu từ sản xuất, lưu thông đến phân phối mà nổi bật là chế độ bao cấp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu sau:

- **Bao cấp qua giá**: Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hoá thấp hơn giá trị thực của chúng nhiều lần so với thị trường. Do đó, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.

- **Bao cấp qua chế độ tem phiếu** (đối với hàng tiêu dùng): Nhà nước qui định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên theo định mức qua hình thức tem phiếu. Chế độ tem phiếu với mức giá khác xa so với thị trường đã biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật, thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.

**Ví dụ**: Tem phiếu, sổ cho 6 mặt hàng: gạo, thịt lợn, nước mắm, đường, chất đốt (than, cám, củi, hay dầu hoả), xà phòng, có thể còn bổ sung thêm vải, mì chính...). Giá bán các mặt hàng tên gọi là giá chỉ đạo, hay giá cung cấp. Ngoài ra, một số mặt hàng khác được bán bổ sung theo giá sát với thị trường gọi là "giá kinh doanh thương nghiệp". Với cơ chế theo hai loại giá như vậy gọi là "cơ chế hai giá" tiền lương của người lao động được hiện vật hoá: một phần vẫn trả bằng tiền, một phần "ấn" trong tem phiếu.

- **Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn:** cấp phát vốn đối với các đơn vị kinh tế cơ sở nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn. Điều đó vừa làm tăng gánh nặng đối với ngân sách, vừa sử dụng vốn kém hiệu quả, nảy sinh cơ chế “xin - cho”.

\* **Trong thời kì kinh tế tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, cơ chế đó cũng có tác dụng nhất định,** nó cho phép tập trung tối đa nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hoá theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Tuy nhiên, cơ chế đó lại thủ tiêu cạnh tranh, kìm hãm tiến bộ KH-CN, triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động, không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

\* **Thời kỳ kinh tế thế giới chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu** dựa trên cơ sở áp dụng thành tựu KH-CN hiện đại thì cơ chế quản lí đó bộc lộ những khiếm khuyết làm cho kinh tế các nước XHCN trước đây, trong đó có Việt Nam lâm vào trì trệ, khủng hoảng.

\* **Trước đổi mới,** do chưa thừa nhận sản xuất hàng hoá và cơ chế thị trường, xem kế hoạch hoá là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế XHCN. Không thừa nhận trên thực tế sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần trong TKQĐ, lấy kinh tế quốc doanh và tập thể là chủ yếu, muốn nhanh chóng xoá bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế cá thể tư nhân; xây dựng nền kinh tế khép kín.

Tất cả những điều đó đã đẩy nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ.

### **b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lí kinh tế**

+ **Sự khủng hoảng kinh tế - xã hội** là hệ quả của việc duy trì quá lâu mô hình kinh tế nêu trên. Để thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta đã có những bước cải tiến nền kinh tế theo hướng thị trường. Cụ thể:

- Khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Khoá IV.

- Bù giá vào lương ở Long An.

- NQ TW 8 khoá V (1985) về giá - lương - tiền.

- Nghị định 25/CP : quyền chủ động sản xuất, tự chủ về tài chính; Nghị định 26/CP tiền lương khoán...

+ **Đề cập đến sự cần thiết đổi mới cơ chế quản lí kinh tế,** Đại hội VI khẳng định: "Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lí kinh tế. Cơ chế quản lí tập trung, quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm

hiệu suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội

Do đó, việc đổi mới cơ chế quản lí kinh tế trở thành mệnh lệnh và đòi hỏi bức thiết, của cuộc sống.

**Câu 16: Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới (từ đại hội VI đến đại hội X)**

***a. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ đại hội VI đến đại hội VIII***

Đây là giai đoạn hình thành và phát triển tư duy của Đảng về kinh tế thị trường. So với thời kì trước đổi mới, nhận thức về kinh tế thị trường có sự thay đổi căn bản và sâu sắc. Cụ thể:

**\* Một là, KTTT không phải là cái riêng của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.**

+ ***Lịch sử phát triển sản xuất cho thấy sản xuất và trao đổi hàng hoá là tiền đề quan trọng cho sự ra đời và phát triển của KTTT.*** Trong quá trình sản xuất và trao đổi, các yếu tố thị trường như cung - cầu, giá cả có tác động điều tiết quá trình sản xuất hàng hoá, phân bổ các nguồn lực kinh tế và tài nguyên thiên nhiên như vốn, TLSX, sức lao động phục vụ cho sản xuất và lưu thông.

+ ***Thế nào là nền KTTT? Trong một nền kinh tế, khi các nguồn lực kinh tế được phân bổ bằng nguyên tắc thị trường thì ta gọi đó là KTTT.***

+ ***Điểm giống nhau*** giữa kinh tế hàng hoá và kinh tế thị trường là có cùng bản chất:

- Điều nhằm sản xuất ra để bán, nhằm mục đích giá trị và điều trao đổi thông qua quan hệ hàng hoá - tiền tệ.

- Điều dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, làm cho người sản xuất vừa độc lập, vừa phụ thuộc vào nhau.

+ ***Điểm khác nhau*** giữa kinh tế hàng hoá và kinh tế thị trường là về trình độ phát triển:

- ***Kinh tế hàng hoá*** ra đời từ kinh tế tự nhiên, đối lập với kinh tế tự nhiên, ở trình độ thấp (chủ yếu sản xuất hàng hoá tư nhân, qui mô nhỏ, thủ công, năng suất thấp).

- **Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hoá phát triển cao** trên cơ sở KHCN hiện đại và nền sản xuất xã hội hoá, các yếu tố đầu ra và đầu vào của quá trình sản xuất đều do thị trường quyết định.

+ **Kinh tế thị trường có lịch sử phát triển lâu dài nhưng biểu hiện và phát triển mạnh trong CNTB.** Nền KTTT có mầm mống từ xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến, phát triển rõ rệt nhất trong chủ nghĩa tư bản. Điều này khiến người ta nghĩ rằng KTTT là sản phẩm của CNTB.

+ **KTTT không phải là sản phẩm riêng của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.** CNTB không sản sinh ra kinh tế hàng hoá. Do đó, chỉ có thể chế KTTT TBCN hay cách thức sử dụng KTTT theo lợi nhuận tối đa của CNTB mới là sản phẩm của CNTB.

**\* Hai là, kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong TKQĐ lên CNXH, bởi lẽ:**

+ **Kinh tế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, chứ không đối lập với các chế độ xã hội.**

- Là thành tựu chung của nhân loại, KTTT tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau.

- Kinh tế thị trường vừa có thể liên hệ với chế độ tư hữu, vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ cho chúng.

+ **Kinh tế thị trường không đối lập với CNXH,** nó tồn tại khách quan trong TKQĐ lên CNXH và cả trong CNXH.

Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường không phải là phát triển TBCN hoặc đi theo con đường TBCN, xây dựng kinh tế XHCN cũng không phủ nhận KTTT.

+ **Đại hội VII của Đảng (6/1991)** cho rằng sản xuất hàng hoá không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan và cần thiết cho xây dựng CNXH. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta là "Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước", các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ, cạnh tranh hợp pháp, *đảm bảo hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.*

+ **Đại hội VIII (6/1996)** tiếp tục đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, tiếp tục *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.*

**\* Ba là, có thể và cần thiết sử dụng KTTT để xây dựng CNXH ở nước ta.**

+ **Khi kinh tế thị trường được coi là phương tiện** có tính cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế thì nó có những đặc điểm sau:

- Chủ thể kinh tế có thể độc lập, tự chủ trong sản xuất kinh doanh.
- Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết.
- Nền kinh tế có tính mở và vận hành theo qui luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh.
- Có hệ thống pháp quy kiện toàn và sự quản lí vĩ mô của Nhà nước.

+ **Bản thân KTTT không có thuộc tính xã hội**, nó có thể được sử dụng ở các chế độ xã hội khác nhau, do vậy có thể và cần thiết sử dụng KTTT để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ **Trước đổi mới** do nhận thức không đầy đủ nên chúng ta xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng của kinh tế XHCN, thị trường chỉ là công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch. Thời kì đổi mới, chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò của KTTT (quan hệ cung - cầu, quan hệ cạnh tranh đã thúc đẩy sự phát triển...)

+ **Trên thực tế** CNTB đã biết khai thác các lợi thế của KTTT để phát triển. Công cuộc đổi mới ở nước ta cũng cho thấy ưu thế của KTTT.

### **b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ đại hội IX đến Đại hội X**

#### **\* Đại hội IX của Đảng (4/2001) xác định:**

+ **Nền KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát** của nước ta trong TKQĐ lên CNXH là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đây là bước chuyển quan trọng trong nhận thức từ chỗ coi KTTT như một công cụ, một cơ chế quản lý đến nhận thức coi KTTT như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN.

+ **KTTT định hướng XHCN** là "một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo qui luật của KTTT vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH".

- Thế mạnh của "thị trường" được sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển nền kinh tế, để xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tính "định hướng XHCN" được thể hiện trên cả 3 mặt của quan hệ sản xuất: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối nhằm mục đích cuối cùng là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

+ ***Kinh tế thị trường định hướng XHCN được hiểu:***

- Không phải là kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc
- Không phải là kinh tế kế hoạch hoá tập trung
- Không phải là kinh tế thị trường TBCN
- Chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường XHCN

(Định hướng XHCN là nét khác biệt với KTTT TBCN)

\* **Đại hội X của Đảng ( 4 - 2006)** kế thừa tư duy Đại hội IX và làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của tính định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta, thể hiện ở 4 tiêu chí:

+ ***Mục đích phát triển:*** Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ những người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Sự khác biệt với KTTT TBCN là phát triển KTTT XHCN vì con người, vì số đông chứ không phải để phục vụ cho thiểu số.

+ ***Phương hướng phát triển:*** Phát triển các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với hình thức sở hữu là nhằm giải phóng mọi tiềm năng, phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế quốc dân.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước đòi hỏi phải nắm được các vị trí then chốt của nền kinh tế bằng trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất, kinh doanh cao (không phải dựa vào bao cấp, cơ chế xin - cho hay độc quyền kinh doanh).

- Nền kinh tế dựa trên nền tảng của chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ ***Định hướng xã hội và phân phối***

- Thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hoá, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

- Quyết tâm giải quyết các vấn đề xã hội thể hiện rõ định hướng XHCN, đồng thời bảo đảm sự phát triển bền vững, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục tác động tiêu cực của KTTT.

- Chế độ phân phối: Chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh.

#### + *Về quản lí:*

- Bảo đảm vai trò quản lí, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng; phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân.

- Sự quản lí, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước bằng pháp luật, sử dụng cơ chế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân lao động của toàn thể nhân dân.

Những tiêu chí nêu trên cho thấy sự khác biệt cơ bản giữa KTTT TBCN với KTTT định hướng XHCN ở nước ta.

### **Câu 17: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN: mục tiêu và các quan điểm cơ bản; một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.**

#### **1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản**

##### ***a. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường***

+ ***Thể chế kinh tế*** là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại bên cạnh thể chế chính trị, thể chế xã hội ...

- Thể chế kinh tế nói chung là một hệ thống các qui phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất, kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

- *Thể chế kinh tế bao gồm các yếu tố chủ yếu là các đạo luật, qui chế, qui tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài về xử lí vi phạm, các tổ chức*

*kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế, truyền thông văn hoá và văn minh kinh doanh, cơ chế vận hành nền kinh tế.*

+ ***Kinh tế thị trường là*** nền kinh tế vận hành theo sự điều tiết của cơ chế thị trường, lấy sự tồn tại và phát triển của quan hệ hàng hoá - tiền tệ làm cơ sở, là kinh tế hàng hoá đạt đến trình độ xã hội hoá cao và trình độ kỹ thuật cao, trong đó toàn bộ hay hầu hết đầu vào và đầu ra của sản xuất đều phải thông qua thị trường.

+ ***Thế chế kinh tế thị trường là*** một tổng thể bao gồm các bộ qui tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

### ***Thế chế kinh tế thị trường bao gồm:***

- Các qui tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường, các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường.

- Cách thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn.

- Các thị trường nơi hàng hoá được giao dịch, trao đổi trên cơ sở các yêu cầu, quy định của luật lệ (các thị trường quan trọng như hàng hoá và dịch vụ, lao động, vốn, bất động sản...)

+ ***Kinh tế thị trường định hướng XHCN*** là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng XHCN.

+ ***Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN*** được hiểu là thế chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

Nói cách khác, *thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN* là công cụ hướng dẫn cho các chủ thể trong nền kinh tế *vận động theo đuổi mục tiêu kinh tế - xã hội tối đa, chứ không đơn thuần chỉ là mục tiêu lợi nhuận tối đa.*

### ***b. Mục tiêu hoàn thiện thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN***

+ ***Mục tiêu cơ bản:*** (yêu cầu phải hoàn thành cơ bản vào năm 2020).

Việc hoàn thiện thế chế KTTT định hướng XHCN ở nước ta là làm cho nó phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của KTTT, thúc đẩy KTTT định hướng XHCN phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ ***Mục tiêu trước mắt cần đạt đến:***



- **Một là**, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển thuận lợi. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

- **Hai là**, đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

- **Ba là**, phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới. (Đại hội X (4/2006) đã định danh rõ 5 loại thị trường đã và đang hình thành ở Việt Nam thị trường hàng hoá và dịch vụ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường sức lao động, thị trường KHCN; thị trường mới mạnh nha là thị trường chứng khoán).

- **Bốn là**, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- **Năm là**, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lí của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lí, phát triển kinh tế - xã hội.

### ***c. Quan điểm cơ bản về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN***

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các qui luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, đảm bảo định hướng XHCN của nền kinh tế.

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội, giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc; vừa làm, vừa tổng kết rút kinh nghiệm

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trên đây là những quan điểm cơ bản nhằm từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

## **2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam**

### ***a. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN***

+ ***Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN*** là làm cho nó phù hợp với các yêu cầu và nguyên tắc của kinh tế thị trường định hướng XHCN, vận hành thông suốt và có hiệu quả. Do đó, cần phải có sự thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN.

#### ***+ Một số điểm cần phải thống nhất:***

- Sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng CHXN (vì bản thân KTTT không đồng nghĩa với CNTB, không đối lập với CNXH).

- KTTT là cơ sở kinh tế của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

- Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế vừa tuân theo qui luật của KTTT, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của CNXH và các yếu tố bảo đảm tính định hướng XHCN.

### ***b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh***

#### ***\* Hoàn thiện thể chế về sở hữu***

+ ***Yêu cầu khách quan:*** Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dựa trên sự tồn tại khách quan nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình doanh nghiệp. Do đó, cần được khẳng định trong các qui định của pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích của các chủ thể sở hữu, xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như: trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên khoáng sản (ví dụ: Luật sở hữu trí tuệ...)

#### ***+ Phương hướng cơ bản của hoàn thiện thể chế sở hữu***

- Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là nhà nước, các quyền của người sử dụng đất được tôn trọng và bảo đảm theo qui định của pháp luật.

- Tách biệt vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước.

- Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản. Đồng thời, qui định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với xã hội. Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích của xã viên đối với tài sản.

- Khuyến khích liên kết giữa sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ sở hữu cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Sớm ban hành các qui định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; qui định đối tượng, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác tại Việt Nam

**\* Hoàn thiện thể chế về phân phối.**

+ **Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách** về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

- Các nguồn lực xã hội được phân bổ theo cơ chế thị trường và chiến lược, qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, của người lao động và của doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động và bảo đảm lợi ích quốc gia.

+ **Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế.** Đổi mới, sắp xếp lại, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thu hẹp các lĩnh vực độc quyền Nhà nước.

+ **Đổi mới, phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác** theo cơ chế thị trường, phù hợp với các nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý vì điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế...

+ ***Đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước*** để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính. .

***c. Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường***

+ ***Tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường về giá, về cạnh tranh, về kiểm soát độc quyền trong kinh doanh.*** Hoàn thiện khung pháp lý cho kí kết và thực hiện hợp đồng. Hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp phù hợp với KTTT và các cam kết quốc tế.

- Đa dạng hoá các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với cam kết quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và tăng cường kiểm tra chất lượng hoá, dịch vụ và xử lý sai phạm.

- Phát huy tốt hơn vai trò điều hành thị trường tiền tệ của ngân hàng nhà nước như một ngân hàng trung ương hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Từng bước mở rộng thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng cho phù hợp với cam kết quốc tế.

+ ***Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách*** cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch của thị trường. Chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường.

- Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng của sản phẩm bảo hiểm. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế trong nước, khuyến khích hợp tác và liên kết giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hợp nhập kinh tế quốc tế. Quan tâm đến các dịch vụ bảo hiểm đối với con người và hàng nông sản.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện luật pháp chính sách về tiền lương, tiền công. Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo qui luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động. Áp dụng phổ biến chế độ hợp đồng lao động và xử lý tốt các trường hợp tranh chấp, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động.

+ ***Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển*** các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; khuyến

khích việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, xử lý nghiêm hành vi vi phạm luật sở hữu trí tuệ. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư và đẩy mạnh xã hội hoá cho các ngành giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, đảm bảo những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Ban hành tiêu chuẩn, tiêu chí về các hoạt động dịch vụ này, tăng cường quản lý nhà nước để hạn chế mặt trái của cơ chế thị trường đối với các hoạt động dịch vụ và xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

***d. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường***

+ ***Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo***, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và các căn cứ cách mạng trước đây. Tăng cường hỗ trợ cho người nghèo, đồng thời khắc phục tâm lý ỷ lại, trông chờ, thụ động.

+ ***Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội*** đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của KTTT định hướng XHCN. Bổ sung, sửa đổi các chế độ bảo hiểm xã hội còn bất hợp lý...

Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận để chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội. Bổ sung chế độ trợ cấp xã hội theo hướng ưu tiên vào đối tượng bảo trợ xã hội.

+ ***Hoàn thiện luật pháp, chính sách*** về bảo vệ môi trường, giám sát chặt chẽ việc thực hiện và có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm. Có kế hoạch phòng tránh, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu và các sự cố môi trường.

***e. Hoàn thiện thể chế và vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội***

+ ***Đảng tăng cường chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn*** để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình KTTT định hướng XHCN, đặc biệt những nội dung định hướng, coi trọng đổi mới tư duy, tuyên truyền giáo dục việc thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

+ ***Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước*** phù hợp với yêu cầu phát triển KTTT định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

Vai trò kinh tế của Nhà nước thể hiện rõ chỗ phát huy mặt tích cực, hạn chế, ngăn chặn mặt trái của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để nền KTTT phát triển theo định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Thực hiện tinh giảm bộ máy, tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế kinh tế - xã hội.

+ **Nâng cao vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội,** tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân trong phát triển KTTT định hướng XHCN.

Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp cơ chế chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức và nhân dân tham gia tích cực, có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát việc thực hiện luật pháp, các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội

**Câu 18: Cơ sở hình thành và chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam.**

**\* Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta:**

+ **Một là,** căn cứ vào lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ, về chuyên chính vô sản.

- **Các Mác đã khẳng định:** “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”

- **Lênin cũng nhấn mạnh** muốn chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội thì phải chịu đựng lâu dài nỗi đau đớn của thời kỳ sinh đẻ, phải có một thời kỳ chuyên chính vô sản lâu dài. Bản chất của chuyên chính vô sản là sự tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới.

Như vậy, chuyên chính vô sản tồn tại tất yếu trong suốt thời kỳ quá độ nhằm thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới, với

hình thức và biện pháp mới nhằm tổ chức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Việc vận dụng tư tưởng này cần xuất phát từ điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Ở Việt Nam, nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân trong cách mạng tháng 8 - 1945 được chuyển sang làm nhiệm vụ nhà nước chuyên chính vô sản ở Miền Bắc năm 1954 và trong phạm vi cả nước năm 1975.

+ **Hai là**, căn cứ vào đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

- **Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (tháng 12 - 1976)** xác định đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt”.

- **Ngày 18 - 12 - 1980, Quốc hội khoá VI thông qua Hiến pháp** nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước chuyên chính vô sản. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1982) tiếp tục khẳng định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra.

+ **Ba là**, cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản đối với hệ thống chuyên chính vô sản.

Ở Miền Bắc, Đảng Cộng sản không phải là đảng chính trị duy nhất mà còn có Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội. Nhưng những đảng chính trị này đều

thừa nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản, đều là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và có đại diện trong Quốc hội.

+ **Bốn là**, cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu bao cấp.

Mô hình kinh tế ấy không chấp nhận kinh tế thị trường, hướng tới mục tiêu xoá bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới 2 hình thức: toàn dân và tập thể. Nhà nước trở thành một tổ chức kinh tế bao trùm. Do vậy cách tổ chức và hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản không thể không phản chiếu cả ưu điểm lẫn khuyết điểm, sai lầm của mô hình kinh tế ấy.

+ **Năm là**, cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh công - nông - trí thức.

Kết quả cuộc đấu tranh “ ai thắng ai” giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, kết quả của quá trình cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa đã tạo nên một kết cấu xã hội - giai cấp, đó là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Tình hình ấy đã ảnh hưởng đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để thực hiện mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**\* Nội dung chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản:**

+ **Một là, xác định quyền làm chủ tập thể** của nhân dân lao động được thể chế hoá thành pháp luật và tổ chức.

Trong thời kỳ trước đổi mới, việc xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản với mục tiêu là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nội dung làm chủ tập thể bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở.

+ **Hai là, xác định Đảng Cộng sản** là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản.

- Sự lãnh đạo của Đảng nhằm bảo đảm cho hệ thống chính trị được vận hành đúng hướng, giữ vững bản chất của chế độ, phát huy được sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng.

- Đảng lãnh đạo là sự bảo đảm cao nhất chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm cho hoạt động quản lý của Nhà nước đạt hiệu quả.

- Do vậy Đảng phải nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

+ **Ba là, xác định Nhà nước** trong thời kỳ quá độ là “Nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa”.

- Nhà nước là phương tiện thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội.

- Do vậy phải xây dựng Nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân nhằm thực hiện thắng lợi 3 cuộc cách mạng và xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

+ **Bốn là, xác định nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân** là nơi phát huy cao nhất quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, là nơi quần chúng tham gia và kiểm tra, giám sát công việc của Nhà nước, là trường học về chủ nghĩa xã hội.



Do vậy các đoàn thể phải đổi mới hình thức tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện mới. Mở rộng các tổ chức theo nghề nghiệp theo nhu cầu đời sống, nhu cầu sinh hoạt văn hoá để thu hút đông đảo quần chúng tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội.

**+ Năm là, xác định mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ** là cơ chế quản lý của xã hội.

- Cơ chế quản lý của một xã hội là những tổ chức thiết chế, những qui định về trách nhiệm, quyền hạn giữa cá nhân và tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức nhằm thực hiện mục đích quản lý xã hội theo định hướng của giai cấp cầm quyền.

- Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ có mối quan hệ khăng khít không tách rời. Đây là mối quan hệ giữa điều kiện, phương tiện và mục đích nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu của Đảng.

**Câu 19: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị của Đảng thời kỳ đổi mới: quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị; mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

### **1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị**

Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị là một quá trình Đảng ta chiêm nghiệm, đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức về nhiều phương diện.

**+ Thứ nhất, nhận thức mới về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị:**

- **Đảng ta khẳng định đổi mới là một quá trình:** đổi mới toàn diện và đồng bộ, trong đó đổi mới kinh tế - trước hết đổi mới tư duy kinh tế - là trọng tâm; đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Đổi mới kinh tế thành công sẽ tạo cơ sở nền tảng vững chắc để đổi mới hệ thống chính trị thuận lợi. Mặt khác, đổi mới hệ thống chính trị kịp thời, đúng hướng, phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế.

- **Trong giai đoạn cách mạng mới, đổi mới hệ thống chính trị** là nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giải quyết không đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị sẽ phải trả giá. Sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu là những bài học xương máu.

**+ Thứ hai, nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị:**

- **Mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị** phải thống nhất với mục tiêu chung của quá trình đổi mới toàn diện đất nước. Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- **Mục tiêu nội tại trực tiếp** của vấn đề đổi mới hệ thống chính trị là “nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 19).

- **Thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị** ở nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Như vậy, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước nhằm đạt đến mục tiêu là hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy cao nhất quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

+ **Thứ ba, nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu của cách mạng:**

- **Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ở nước ta** vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, đó là cơ sở kinh tế cho nhiều giai cấp tương ứng tồn tại. Mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân lao động. Lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- **Do vậy, nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là:**

Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển.

Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công.

Đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái.

Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch.

Bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- **Động lực chủ yếu để phát triển đất nước ta là** đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo; kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội; phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

+ **Thứ tư, nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.** Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Trong đó:

- Đảng vừa là một bộ phận hợp thành của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống ấy. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có chức năng thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối chủ trương của Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo có vai trò thực hiện phản biện, giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Nhân dân là người làm chủ xã hội thông qua Nhà nước và các tổ chức đại diện, đồng thời làm chủ trực tiếp thông qua cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

+ **Thứ năm, nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.**

- Trong vấn đề đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới Nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Thuật ngữ “xây dựng Nhà nước pháp quyền” Đảng ta đề cập lần đầu tiên tại Hội nghị Trung ương lần thứ 2 khoá VII (năm 1991). Đến Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII (năm 1994) và các Đại hội VIII, IX, X, Đảng ta tiếp tục khẳng định lại và làm rõ thêm nội dung của nó.

- Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

+ **Thứ sáu, nhận thức mới về vai trò của Đảng Cộng sản trong hệ thống chính trị.**

- Đảng cầm quyền là đảng lãnh đạo nhà nước, nhưng không làm thay nhà nước.

- Đảng phải quan tâm xây dựng, củng cố Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội; phát huy vai trò các thành tố này trong quản lý, điều hành xã hội.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế.

## **2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới**

### ***a. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị***

#### **\* Mục tiêu:**

+ Mục tiêu chủ yếu của vấn đề đổi mới hệ thống chính trị là “nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân”.

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa thừa nhận quyền tự do bình đẳng của công dân, thừa nhận nhân dân là chủ thể của quyền lực. Nội dung cơ bản nhất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là quan điểm “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”. Quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy cao nhất so với các nền dân chủ trong lịch sử.

#### **• Quan điểm:**

+ **Một là**, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ **Hai là**, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là thay đổi bản chất của nó mà nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ **Ba là**, đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có sự kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ **Bốn là**, đổi mới quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự tác động cùng chiều nhằm thúc đẩy xã hội phát triển.

### ***b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

#### **\* Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị:**

+ **"Đảng Cộng sản là** đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc" ( Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 130).

+ **Về vị trí, vai trò của Đảng** trong hệ thống chính trị, Cương lĩnh năm 1991 xác định: “ Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hành động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

+ **Phương thức lãnh đạo của Đảng :**

Cương lĩnh năm 1991 xác định Đảng lãnh đạo xã hội:

- Bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác.

- Bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra.

- Bằng hành động gương mẫu của Đảng viên.

- Giới thiệu những Đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào các cơ quan lãnh đạo chính quyền và đoàn thể.

- Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

+ **Nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị:**

- Vấn đề mấu chốt và khó khăn nhất là khắc phục hai khuynh hướng thường xảy ra trong thực tế : hoặc là bao biện làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

- Giữ vững và tăng cường năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội nhằm phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị gắn liền với vấn đề đổi mới chính đốn Đảng, với công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ để Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn cách mạng mới.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức của Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò cá nhân người đứng đầu trong sinh hoạt và công tác.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương cần quán triệt những nguyên tắc chung, nhưng cần vận dụng linh hoạt sáng tạo tùy theo đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ của mỗi cấp, mỗi ngành cụ thể.

### **\* Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

+ *Nhà nước pháp quyền không phải* là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là sản phẩm của tinh hoa trí tuệ nhân loại. Lịch sử loài người đã trải qua 4 kiểu nhà nước. Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, mà là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước.

+ *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là sự kế thừa những tinh hoa của nhà nước pháp quyền trong lịch sử, nó vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa mang tính nhân dân rộng rãi, vừa mang tính dân tộc sâu sắc.

+ *Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng theo 5 đặc điểm* sau đây :

- *Thứ nhất*, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

- *Thứ hai*, quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- *Thứ ba*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật . Hiến pháp và pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ thuộc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Thứ tư*, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương phép nước.

- *Thứ năm*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ *Để xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam vững mạnh, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây :*

- *Thứ nhất*, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính khả thi của các văn bản pháp luật. Xây dựng cơ chế kiểm tra giám sát mang tính hợp hiến, hợp pháp trong các quyết định và hoạt động của các cơ quan công quyền.

- **Thứ hai**, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội. Đổi mới qui trình xây dựng luật pháp, giảm ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

- **Thứ ba**, đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại, hiệu quả.

- **Thứ tư**, xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- **Thứ năm**, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

**\* Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.**

+ **Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội** có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng.

+ **Nhà nước cần ban hành cơ chế** để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

+ **Thực hiện tốt Luật** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn, qui chế dân chủ ở các cấp để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

+ **Đổi mới phương thức hoạt động** của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương hình thức. Làm tốt công tác dân vận trên tinh thần trọng dân, gần dân, hiểu dân, tin dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

**Câu 20: Quan điểm chỉ đạo và chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa thời kỳ đổi mới**

**1. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hoá**

\* **Một là**, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Quan điểm này chỉ rõ vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt của văn hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**+ Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.**

**- Vì sao ?**

Văn hoá Việt Nam được hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Đó là một hệ giá trị truyền thống và lối sống bền vững, trên đó, nhờ đó, dân tộc ta khẳng định bản sắc riêng của mình.

Qua nhiều thế kỉ, văn hoá thấm sâu vào mỗi con người, trong cả cộng đồng, được truyền bá, kết nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hoá và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của dân tộc (ở Việt Nam là cấu trúc nhà - làng - nước).

Văn hoá là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng Việt Nam vượt qua thác ghềnh sóng gió để tồn tại và phát triển.

**- Chủ trương biện pháp:**

Làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội.

Xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đủ sức đề kháng và đẩy lùi sự xâm nhập của các tư tưởng văn hoá phản tiến bộ.

Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá mới, gia đình văn hoá, phường, xã, cơ quan, đường phố văn hoá.

**+ Văn hoá là động lực thúc đẩy xã hội phát triển.**

**- Vì sao?**

Nguồn lực cơ bản nhất của sự phát triển là nguồn lực nội sinh của dân tộc. Nguồn lực nội sinh đó được thấm sâu trong văn hoá. Cội nguồn của một quốc gia dân tộc là văn hoá. Do vậy văn hoá không chỉ là kết quả của sự phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

**- Vai trò của văn hoá với tư cách là động lực của sự phát triển :**

**Thứ nhất**, công cuộc đổi mới ở nước ta đạt được nhiều thành tựu càng khẳng định vai trò động lực của văn hoá. Đổi mới đã giải phóng được trí tuệ, sức sáng tạo của quần chúng nhân dân (sự bung ra, vượt rào, khoán chui) của các địa phương cơ sở.



**Thứ hai**, trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ, yếu tố quyết định nhất cho sự phát triển là văn hoá, là trí tuệ, là thông tin, là "tài nguyên con người" - nguồn vốn trí tuệ của dân tộc .

**Thứ ba**, trong nền kinh tế thị trường, một mặt văn hoá dựa vào cái chân - thiện - mỹ để hướng dẫn người lao động không ngừng phát huy tư duy sáng tạo, sản xuất ra hàng hoá chất lượng cao ; mặt khác, văn hoá sử dụng sức mạnh của những giá trị truyền thống, của đạo lý dân tộc để hạn chế những lối sống tầm thường, nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, làm cho văn hoá không hoà tan trong quá trình hội nhập quốc tế.

**Thứ tư**, trong vấn đề bảo vệ môi trường, văn hoá hướng dẫn một lối sống có chừng mực, hài hoà, thân thiện với tự nhiên ; không tàn phá làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững cho hôm nay và các thế hệ mai sau.

+ **Văn hoá là một mục tiêu của sự phát triển.**

- **Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000** xác định: "Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường".

- **Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4 - 2006)** xác định: xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước, nhân dân ta xây dựng là một xã hội gồm 8 đặc trưng. Thực chất đó là 8 mục tiêu cần đạt tới, trong đó có 2 mục tiêu liên quan đến văn hoá :

Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- **Chủ trương và biện pháp để thực hiện mục tiêu xây dựng văn hoá:**

Thực tế ở nhiều nước trong nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế thường được coi trọng hơn và lấn át mục tiêu văn hoá. Để làm cho văn hoá trở thành mục tiêu và động lực thì quá trình phát triển kinh tế cần kết hợp với phát triển văn hoá.

Khi xác định mục tiêu phát triển văn hoá phải căn cứ và hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; mặt khác khi xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đồng thời xác định mục tiêu phát triển văn hoá.

\* **Hai là**, nền văn hoá mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ **Tiên tiến là:**

- Yêu nước và tiên bộ, mà nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc, tự do và phát triển con người.

- Xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa con người với cộng đồng, giữa xã hội với tự nhiên.

- Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

#### **+ Bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm :**

- Những giá trị, những tinh hoa của các cộng đồng dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng nghìn năm lịch sử.

- Lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết con người - gia đình - làng xã - Tổ quốc.

- Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, cần cù sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống.

- Mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá của các dân tộc khác.

- Chống văn hoá lạc hậu, lỗi thời, các phong tục, tập quán, lễ thói cũ.

#### **+ Biểu hiện của bản sắc văn hoá dân tộc:**

- Bản sắc văn hoá dân tộc được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: trong cách tư duy, cách sống, đặc biệt được thể hiện sâu sắc nhất trong hệ giá trị của dân tộc.

- Bản sắc văn hoá dân tộc phát triển cùng sự phát triển của thể chế kinh tế, chính trị, xã hội của các quốc gia.

- Bản sắc văn hoá dân tộc được thấm sâu trong mọi hoạt động xây dựng sáng tạo văn học nghệ thuật, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo.

**+ Chủ trương xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc :** kết hợp giữa vấn đề bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc với mở rộng giao lưu, tiếp thu văn hoá nhân loại để xây dựng và phát triển những giá trị mới của văn hoá Việt Nam.

\* **Ba là,** nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

+ Nét đặc trưng nổi bật của văn hoá Việt Nam là sự thống nhất mà đa dạng, là sự hoà quyện bình đẳng, sự phát triển độc lập của văn hoá các dân tộc anh em chung sống trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Mỗi dân tộc có truyền thống và bản sắc văn hoá riêng trong nền văn hoá chung của quốc gia dân tộc Việt Nam. Sự thống nhất bao hàm cả tính đa dạng, tính đa dạng trong sự thống nhất ; không có sự đồng hoá, thôn tính, kỳ thị văn hoá giữa các dân tộc.

+ 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam đều có những giá trị và bản sắc văn hoá riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm đa dạng phong phú nền văn hoá Việt Nam thống nhất.

**\* Bốn là, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.**

+ *Vì sao ?*

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do vậy mọi người Việt Nam đều có trách nhiệm tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá nước nhà.

- Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, là lực lượng chủ yếu của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá.

- Đội ngũ trí thức tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc, họ giữ vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc.

+ **Chủ trương biện pháp :**

- Vận động quần chúng tham gia sáng tạo văn hoá nghệ thuật để phục vụ cho cuộc sống, nhất là trí thức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: «Quần chúng nhân dân là người sáng tạo, công nông là người sáng tạo. Nhưng quần chúng nhân dân không chỉ sáng tạo ra của cải vật chất của xã hội, quần chúng nhân dân còn là người sáng tác nữa ».

- Xác định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

**\* Năm là, văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài.**

+ Cách mạng tư tưởng văn hoá là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do vậy văn hoá là một mặt trận trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, trong đó quần chúng nhân dân, trí thức văn nghệ sĩ là những chiến sĩ trên mặt trận ấy.

+ Các hủ tục, các thói hư tật xấu tồn tại hàng ngàn năm dưới chế độ cũ đã trở thành đời sống tâm lý của hàng chục triệu người. Do vậy quá trình cải tạo xoá bỏ lối sống lạc hậu, xây dựng nền văn hoá mới là sự nghiệp cách mạng phức tạp lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

**Câu 21: Quan điểm và chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.**

***1. Quan điểm giải quyết các vấn đề xã hội***

***+ Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội:***

- Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp.

- Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lý.

- Tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

- Sự kết hợp hai mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị cơ sở kinh tế.

***+ Hai là, tăng trưởng kinh tế gắn liền với vấn đề công bằng xã hội trong từng bước và trong suốt cả quá trình phát triển:***

- Trong từng bước, từng chính sách và trong suốt cả quá trình phát triển từ Trung ương đến địa phương, các cấp các ngành cần gắn kết giữa vấn đề tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

- Nhiệm vụ này không dừng lại ở khẩu hiệu, ở lời khuyên nghị mà phải được pháp chế hoá có tính cưỡng chế buộc các chủ thể phải thực hiện.

- Các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia cần thấu triệt quan điểm phát triển “bền vững”, phát triển “sạch”, phát triển “hài hoà”; không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá.

***+ Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ:***

- Chính sách xã hội có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng không thể phụ thuộc vào viện trợ như thời bao cấp.

- Chính sách xã hội phải xoá bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng trong phân phối sản phẩm, chấm dứt chế độ xin - cho.

+ **Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người**, gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội. Mục tiêu cuối cùng và cao nhất của quan điểm này là vì con người.

## **2. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội**

+ **Một là**, khuyến khích mọi người làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói, giảm nghèo:

- Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

- Tạo động lực làm giàu cho đông đảo dân cư bằng tài năng, trí tuệ sáng tạo của bản thân trong khuôn khổ đạo đức và pháp luật cho phép.

- Thực hiện có hiệu quả cao chương trình xoá đói, giảm nghèo; đề phòng tái đói, tái nghèo; nâng cao dần chuẩn mực đói nghèo khi mức sống chung của xã hội tăng lên.

+ **Hai là**, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người, tạo việc làm và thu nhập:

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu. An sinh xã hội là chính sách bảo vệ những thành viên ở hoàn cảnh yếu thế, rủi ro, không có nguồn thu nhập như tàn tật, neo đơn, nạn nhân chất độc da cam... nhằm phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro.

- Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ xã hội, tạo nhiều việc làm trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

- Đổi mới chính sách tiền lương, phân phối thu nhập xã hội công bằng, hợp lý.

+ **Ba là**, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả:

- Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách.

- Phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

+ **Bốn là**, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi:

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em; giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

+ **Năm là**, thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình:

- Giảm tốc độ phát triển dân số, bảo đảm qui mô và cơ cấu dân số hợp lý.

- Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

- Bảo đảm bình đẳng giới, chống nạn bạo hành trong gia đình.

+ **Sáu là**, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội:

- Phát huy truyền thống tốt đẹp “ uống nước nhớ nguồn”, “ đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu, thủy chung.

- Bảo đảm cho những người có công với nước có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú.

- Tạo điều kiện cho con em gia đình có công với cách mạng tiếp nối sự nghiệp của cha anh.

+ **Bảy là**, đổi mới cơ chế quản lý:

- Quan điểm, chủ trương về chính sách xã hội của Đảng phải được giải quyết theo tinh thần xã hội hoá.

- Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong vấn đề tổ chức, quản lý các cấp các ngành thực hiện tốt các mục tiêu xã hội. Cách thức quản lý dân chủ, cởi mở, đề cao pháp luật.

- Động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội.

## **Câu 22: Đường lối đối ngoại của Đảng từ 1975 đến 1986: hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa đường lối.**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử**

#### **a. Tình hình thế giới**

+ Sau thắng lợi của cách mạng Việt Nam, hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới đã lớn mạnh. Tuy nhiên, từ nửa cuối thập kỉ 70 trở đi, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa gặp nhiều khó khăn, xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định.

+ Nền kinh tế thế giới phát triển nhanh do tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước lớn.

+ Tình hình khu vực Đông - Nam Á cũng có những chuyển biến mới:

- Mỹ rút quân khỏi Đông Nam Á; khối quân sự SEATO tan rã; các nước ASEAN ký *Hiệp ước thân thiện và hợp tác* (Hiệp ước Bali; ngày 24/02/1976) đã mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.

- Sau sự kiện Campuchia (năm 1979), Mỹ, ASEAN và một số nước khác tiến hành bao vây, cấm vận kinh tế, cô lập về chính trị đối với Việt Nam.

### ***b. Tình hình trong nước***

#### ***\* Thuận lợi***

Sau năm 1975, đất nước hoà bình, thống nhất, ổn định. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Đây là thuận lợi cơ bản nhất của nước ta.

#### ***\* Khó khăn***

- Từ cuối những năm 70 nước ta lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn càng làm cho tình hình đất nước khó khăn hơn.

- Đất nước đang ở trong tình thế vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh; hai cuộc chiến tranh biên giới (Tây Nam và phía Bắc) đã làm suy giảm tiềm lực của đất nước; các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn chống phá nước ta.

Những thuận lợi, khó khăn trên đã ảnh hưởng to lớn đến công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và tác động sâu sắc tới việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

## **2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng**

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đường lối chính sách đối ngoại của Đảng ta luôn hướng đến mục tiêu là phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

***\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976) của Đảng xác định:***

+ **Nhiệm vụ đối ngoại** là “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta” (Đảng cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ tư*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 80).

+ Chủ trương đối ngoại:

- Củng cố, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia.

- Sẵn sàng thiết lập quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực và các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

\* **Từ giữa năm 1978, Đảng ta đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại** như:

+ Tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô - coi quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

+ Nhân mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp.

+ Góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hoà bình, tự do, trung lập và ổn định; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

\* **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3/1982)** trên cơ sở nhận định “nước ta đang ở trong tình thế vừa có hoà bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại về nhiều mặt”, Đảng chủ trương:

+ Công tác đối ngoại phải trở thành một mặt

trận chủ động, tích cực trong cuộc đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

+ Đảng nhân mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô; xác định quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc.

+ Kêu gọi các nước ASEAN đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại giữa hai bên, nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình và ổn định.



+ Khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc, với tất cả các nước khác không phân biệt chế độ chính trị - xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Như vậy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975-1986 là xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố, tăng cường đoàn kết với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước trong phong trào Không liên kết và các nước đang phát triển; đấu tranh chống lại sự bao vây, cô lập, cấm vận của các thế lực thù địch.

+ **Ý nghĩa:** Những kết quả trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với Việt Nam.

- Tăng cường hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác, Việt Nam đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể góp phần vào việc tái thiết đất nước sau chiến tranh.

- Gia nhập Liên hiệp quốc và khai thông mối quan hệ giữa nước ta với một số tổ chức quốc tế đã giúp chúng ta tranh thủ được sự ủng hộ của dư luận quốc tế, phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

- Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước còn lại trong tổ chức ASEAN đã tạo thuận lợi cho mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 23: Chủ trương, chính sách lớn của Đảng về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới. Kết quả và ý nghĩa của đường lối.**

***Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế***

Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương lần thứ tư, khoá X (tháng 2/2007) đã đề ra một số chủ trương, chính sách lớn về đối ngoại như:

- Tiếp tục mở rộng và phát triển các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ngày càng ổn định và bền vững. Tiếp tục thúc đẩy giải quyết bằng thương lượng hoà bình những vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Mở rộng và củng cố quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo lập lợi ích đan xen, nhất là với các đối tác chủ yếu.

- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường; giữ vững và tăng cường quốc phòng an ninh trong quá trình hội nhập.

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

#### **\* kết quả:**

+ **Một là**, thành tựu đối ngoại có tính chất bao trùm trong thời gian qua là Việt Nam đã phá thế bị bao vây, cấm vận, nỗ lực mở rộng hơn bao giờ hết quan hệ đối ngoại theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá với các chủ thể quan hệ quốc tế.

+ **Hai là**, giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan, phấn đấu xây dựng đường biên giới trên đất liền và trên biển thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Nước ta đã ký kết Hiệp ước phân định biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định về hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; đã ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 với Cam-pu-chia; đã ký kết các hiệp định về phân định thêm lục địa, phân định vùng chõng lán trên biển với Ma-lai-xi-a, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Việt Nam cùng các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), thúc đẩy việc giải quyết hòa bình các tranh chấp chủ quyền biển đảo ở biển Đông.

+ **Ba là**, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.

Tính đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 170 nước, quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới; là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và khu vực. Đảng ta có quan hệ ở các mức độ khác nhau với trên 200 chính đảng ở các nước trên thế giới.

+ **Bốn là**, tham gia các tổ chức quốc tế.

Chúng ta đã gia nhập ASEAN; tích cực tham gia hình thành các khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA), giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA); xây dựng quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản; gia nhập APEC; ASEM; gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO, tháng 1/2007); tháng 10/2007, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009..

+ **Năm là**, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học - công nghệ và kỹ năng quản lý.

Với sự ổn định về chính trị - xã hội, truyền thống văn hóa, sự phát triển kinh tế năng động và chính sách đối ngoại rộng mở, môi trường đầu tư thông thoáng, Việt Nam ngày càng trở thành một điểm đến an toàn và hấp dẫn cho hợp tác và đầu tư quốc tế. Năm 2008 thu hút đầu tư nước ngoài đạt 64 tỉ \$.

+ **Sáu là**, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

\* **Ý nghĩa:**

+ Những thành tựu đối ngoại trong 20 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.

+ Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đưa đất nước vượt qua những thách thức và đi vào giai đoạn phát triển mới; vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.